

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THẠC SĨ NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2369 /QĐ-ĐHYD ngày 10/11/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)*

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Y học dự phòng
 - Tên tiếng Anh: Master of Science in Preventive Medicine
4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học cao đẳng Việt Nam.*
5. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
6. Ngành đào tạo: Y học dự phòng
7. Mã ngành đào tạo: 8720110
8. Thời gian đào tạo: 24 tháng
9. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
10. Hình thức đào tạo: Tập trung
11. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Y học dự phòng
 - Tên tiếng Anh: Master of Preventive Medicine

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả <i>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học đạt được các mục tiêu sau:</i>	Phù hợp		
		<i>Sứ mạng</i>	<i>Tâm nhìn</i>	<i>Luật Giáo dục</i>
I. Kiến thức				
PEO 1	Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành và phương pháp sư phạm y học trong thực hành nghề nghiệp.	X	X	X
II. Kỹ năng				
PEO 2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng đánh giá các yếu tố nguy cơ, lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên, lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên, TT-GDSK, giám sát, đánh giá và quản lý được các chương trình y tế tại cộng đồng..	X	X	X
PEO 3	Sử dụng thành thạo các kỹ năng trong nghiên cứu khoa học và sư phạm y học trong thực hành nghề nghiệp.	X	X	X
PEO 4	Giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	X	X	X
III. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm				
PEO 5	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.	X	X	X
PEO 6	Có khả năng tự định hướng tự thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi, hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.	X	X	X

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Ngay khi kết thúc chương trình đào tạo, người học phải đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
I. Kiến thức			
PLO 1	Phân tích được kiến thức triết học, phương pháp nghiên cứu khoa học và phương pháp sư phạm y học trong thực hành nghề nghiệp.	x	
PLO 2	Phân tích được kiến thức về cơ sở ngành và chuyên ngành để chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.		x
II. Kỹ năng			
PLO 3	Lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng và thực hiện được kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe để bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.		x
PLO 4	Lập được kế hoạch để giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên. Quản lý được các chương trình/ hoạt động y tế tại cộng đồng.		x
PLO5	Đánh giá được một số yếu tố nguy cơ liên quan đến sức khỏe.		x
PLO 6	Đánh giá được vấn đề ô nhiễm môi trường, Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm, dân số, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em đối với sức khỏe.		x
PLO 7	Giao tiếp được với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn.		x
PLO 8	Thực hiện độc lập và viết được báo cáo thực tế tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp thuộc chuyên ngành y học dự phòng.		x
III. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
PLO 9	Tuân thủ luật pháp, tôn trọng văn hóa và hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.		x
PLO 10	Chủ động trong học tập, hướng dẫn được đồng nghiệp, người học và đưa ra được những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong chuyên ngành y học dự phòng.		x

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)
--	--

Mục tiêu CTĐT (PEO)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
PEO 1	x	x								
PEO 2			x	x	x	x				
PEO 3								x		
PEO 4							x			
PEO 5									x	x
PEO6									x	x

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Thông tin tuyển sinh

1.1. Đối tượng dự tuyển là người Việt Nam, đáp ứng các yêu cầu như sau:

a) Đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành Y khoa, y học dự phòng, y học cổ truyền, Răng hàm mặt.

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c) Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

d) Có đủ sức khỏe để học tập.

e) Nộp hồ sơ, lệ phí đăng ký dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Đại học Thái Nguyên.

1.2. Đối tượng dự tuyển là người nước ngoài, đáp ứng các yêu cầu như sau:

a) Phải tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành Y khoa, Y học dự phòng, Y học cổ truyền, Răng hàm mặt.

b) Đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

c) Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

d) Có đủ sức khỏe để học tập.

đ) Nộp hồ sơ, lệ phí đăng ký dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Đại học Thái Nguyên.

1.3. Điều kiện dự tuyển thuộc trường hợp đặc biệt do Giám đốc ĐHTN xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng trường Đại học Y-Dược

2. Điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

a) Đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình đào tạo, bảo vệ đề án đạt yêu cầu, cụ thể:

- Có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ)
- Đề án được xếp loại đạt khi có điểm đánh giá lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm, trong đó điểm thành phần của mỗi thành viên trong hội đồng phải đạt từ 5,0 điểm trở lên.

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, trong thời hạn 02 năm từ ngày cấp chứng chỉ; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài) trước thời điểm xét tốt nghiệp;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường Đại học Y-Dược, ĐHTN; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ			Mã học phần			Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Học trước c	Tiên quyết	Song hành	
1. KIẾN THỨC CHUNG: 09 tín chỉ (15%)										
1.1. Học phần bắt buộc: 06 tín chỉ										
1.	HCTH5013	Triết học	3 (3/0)	45	0	105				1
2.	HCPP5013	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3 (2/1)	30	30	90				1
1.2. Học phần tự chọn: 03 tín chỉ - chọn 1 trong 2 học phần										
3.	HCPH5113	Phương pháp dạy - học lâm sàng	3 (2/1)	30	30	90				1
4.	HCPA5113	Phương pháp sư phạm y học	3 (2/1)	30	30	90				1
2. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH: 10 tín chỉ (17%)										
2.1. Học phần bắt buộc: 06 tín chỉ (10%)										
5.	YHCS5213	Chính sách quản lý y tế	3 (2/1)	30	30	90				1
6.	YHKH5213	Khoa học hành vi – Giáo dục sức khỏe	3 (2/1)	30	30	90				1
2.2. Học phần tự chọn: 04 tín chỉ - chọn 02 trong 05 học phần										
7.	YHMS5312	Một sức khỏe	2 (1/1)	15	30	55				2
8.	YHDD5312	Dinh dưỡng tiết chế	2 (1/1)	15	30	55				2
9.	YHVS5312	Vi sinh	2 (1/1)	15	30	55				1

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ			Mã học phần			Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Học trước c	Tiên quyết	Song hành	
10.	YHKT5312	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	2 (1/1)	15	30	55				2
11.	YHST5312	Sinh thái học	2 (1/1)	15	30	55				1
3. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 25 tín chỉ (42%)										
3.1. Học phần bắt buộc: 15 tín chỉ										
12.	YHDT5415	Dịch tễ học	5 (2/3)	30	90	130				2
13.	YHSK5415	Sức khỏe môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp	5 (2/3)	30	90	130				3
14.	YHDS5415	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	5 (2/3)	30	90	130				3
3.2. Học phần tự chọn: 10 tín chỉ - chọn 2 trong 04 học phần										
15.	YHQL5515	Quản lý chương trình dự án y tế	5 (2/3)	30	90	130				3
16.	YHDS5515	Dân số kế hoạch hóa gia đình	5 (2/3)	30	90	130				3
17.	YHAT5515	An toàn vệ sinh lao động trong ngành y tế	5 (2/3)	30	90	130				3
18.	YHCO5515	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em	5 (2/3)	30	90	130				3
4. TỐT NGHIỆP: 16 tín chỉ (27%)										
19.	NHTNS5618	Thực tập tốt nghiệp	8(0/8)	0	240	160		Các HP thuộc 05 Bộ môn của khoa YTC C		4
20.	NHLV5818	Đề án tốt nghiệp	8(0/8)	0	240	160				4
Tổng số			60 (24/36)	360	1060	1645				

VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)

K H 1	HCT H 5013	HCP P 5013	HCP H 5113	HCP A 5113	YHC S521 3	YHK H521 3	YHV S531 2	YHS T531 2
K H 2	YHM S5312	YHD D531 2	YHK T531 2	YHD T541 5				

K	YHS	YHD	YHQ	YHD	YHA	YHC
H	K541	U541	L551	S551	T551	O551
3	5	5	5	5	5	5

K	NHT	NHL
H	NS56	V581
4	18	8

Chú giải:

ABC Kiến thức chung

ABC Cơ sở ngành bắt buộc

ABC Cơ sở ngành tự chọn

ABC Chuyên ngành bắt buộc

ABC Chuyên ngành tự chọn

ABC Tốt nghiệp

VIII. Mức độ đóng góp của các học phần/module vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã HP/ module	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	HCTH5013	M								M	M
2	HCPP5013	M								M	M
3	HCPH5113	M									M
4	HCPA5113	H									M
5	YHCS5213		M		M						
6	YHKH5213		H	H	M			M			M
7	YHMS5312		M		M			M			M
8	YHDD5312		H				M	M	M	M	M
9	YHVS5312		M							M	M
10	YHKT5312		M			M					
11	YHST5312		H		H	H	H	H	H	H	H
12	YHDT5415		H		M	H				M	L
13	YHSK5415		H		H	H	H	H	H	H	H

TT	Mã HP/ module	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
14	YH DU5415		H				H	H	H	M	M
15	YH QL5515		M		H	M				M	L
16	YH DS5515		H		H			M			M
17	YH AT5515		H		H	H	H	H	H	H	H
18	YH CO5515		H		H			M			M
19	NH TN5618			H	H	H	H	H	H	M	M
20	NH LV5818		H	H	H	H	H	H	H	M	M

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Phương pháp hoạt động nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Học tập trải nghiệm (trên Lab)		x		x	x	x	x	x	x	x
4	Học tập phục vụ cộng đồng		x	x	x	x	x	x			x
5	Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	Dạy học dựa vào vấn đề	x	x		x	x	x	x	x	x	x

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Hình thức đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Ý thức học tập học phần lý thuyết và thực hành của học viên. Sự có mặt của học viên tham gia buổi học lý thuyết và thực hành	10%
KTTX (trắc nghiệm/tự luận)	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Dựa vào thang điểm chuẩn	10%

Thi GHP (chấm bài thực hành)	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Dựa vào bảng kiểm/Rubrics	30%
Thi KTHP (Báo cáo chuyên đề)	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	- Thời gian hoàn thành chuyên đề - Chất lượng nội dung chuyên đề	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Tự luận	x	x		x		x	x	x	x	x
Bài tập tình huống	x	x		x	x	x	x	x	x	x
Chỉ tiêu thực hành	x	x		x		x	x	x	x	x
Báo cáo thực hành		x		x	x	x	x	x	x	x
Đánh giá kết thúc học phần	x	x		x	x	x	x	x	x	X
Báo cáo luận văn tốt nghiệp		x		x	x	x	x	x	x	X

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐHYD Thái Nguyên		Trường ĐHYD Cần Thơ		Trường ĐHYD Hồ Chí Minh	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	ĐVHT	Tỷ lệ (%)	ĐVHT	Tỷ lệ (%)
Kiến thức chung	9	15,0	6	9,7	5	7,8
Kiến thức cơ sở ngành	10	16,7				
Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	15	25,0	36	58,1	26	40,6
Kiến thức chuyên ngành tự chọn	10	16,7	10	16,1	21	32,8
Tốt nghiệp	16	26,6	10	16,1	12	18,8
Tổng	60	100	62	100	64	100

2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Kết quả khảo sát các bên liên quan được tổng hợp, đối sánh làm căn cứ xây dựng/cải thiện chất lượng CTĐT:

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	Lượng kiến thức chuyên ngành cần cập nhật, sâu rộng	Xây dựng chương trình cập nhật đảm bảo cơ bản phù hợp chuyên ngành Y học dự phòng
Cựu người học	Cần thiết thực hành nhiều các kỹ năng đánh giá, quản lý trong lĩnh vực Y học dự phòng	Xây dựng học phần thực hành với các bài cụ thể, mang tính ứng dụng thực hành
Nhà tuyển dụng	Cần chú trọng đào tạo kỹ năng mềm	Chú trọng đào tạo kỹ năng mềm lồng ghép vào các học phần
Giảng viên	Cần chú trọng vào đào tạo thực hành	Xây dựng tăng thời lượng các học phần thực hành.

XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo

1. Triết học

Học phần triết học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những hiểu biết căn bản, hệ thống về triết học nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng; hiểu được những giá trị và hạn chế trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây; hiểu được nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; về mối quan hệ giữa triết học và khoa học; vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra tự luận và báo cáo chuyên đề. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1 (mức độ trung bình), PLO9 (mức độ trung bình), PLO10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần Phương pháp luận nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy ở học kỳ I của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về vai trò, ý nghĩa của nghiên cứu khoa học trong thực hành nghề nghiệp, quy trình và các bước để tiến hành một nghiên cứu khoa học trong y học, các vấn đề về đạo đức nghiên cứu y sinh học trên đối tượng nghiên cứu là con người. Đồng thời, học phần này cũng rèn kỹ năng để học viên phát triển được đề cương nghiên cứu. Các phương pháp dạy học chủ yếu bao gồm: Thuyết trình ngắn, thảo luận nhóm, đọc và bình luận bài báo khoa học, làm bài tập nhóm và trình bày kết quả thảo luận. Các phương pháp lượng giá bao gồm: hoàn thành chỉ tiêu theo các tình huống cụ thể; phát triển và trình bày đề cương nghiên cứu. Học phần này đóng góp kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1 (mức độ trung bình), PLO9 (mức độ trung bình), PLO10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3. Phương pháp dạy – học lâm sàng

Học phần Phương pháp dạy – học lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong giảng dạy lâm sàng khối ngành sức khỏe cho các cán bộ y tế trực tiếp tham gia khám chữa bệnh của các cơ sở giáo dục và cơ sở y tế có đủ năng lực dạy học lâm sàng trong vai trò của giáo viên giảng dạy thực hành. Các phương pháp dạy - học bao gồm thuyết trình, *tự nghiên cứu tài liệu*, thảo luận nhóm, bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thao diễn mẫu, bảng kiểm, đóng vai. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, bài tập cá nhân/nhóm, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

4. Phương pháp sư phạm y

Học phần Phương pháp sư phạm y học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng sư phạm y học để người học có đủ năng lực tham gia công tác đào tạo tại các cơ sở y tế nơi người học công tác. Học phần cũng sẽ cung cấp kiến thức, kỹ năng giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm trong y học, giúp người học nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động đào tạo cho cán bộ y tế - người sẽ tham gia hoạt động đào tạo nhằm bổ sung và nâng cao chất lượng chuyên môn cho các cán bộ y tế khác. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập nhóm, cầm tay chỉ việc/bảng kiểm đóng vai. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, bài tập cá nhân/nhóm, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO10 (mức độ trung bình), PLO1 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

5. Chính sách quản lý y tế

Học phần lý thuyết Chính sách và quản lý y tế thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy học ở học kỳ 1 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức chung về chính sách y tế hiện hành, tổng quan về lãnh đạo và quản lý, quy trình quản lý y tế. Phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm. Phương pháp đánh giá gồm: Bài luận, chỉ tiêu thực hành, báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo như sau: PLO2 (mức độ trung bình) và PLO4 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

6. Khoa học hành vi - Giáo dục sức khỏe

Học phần/module Khoa học hành vi - Giáo dục sức khỏe thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc của thạc sĩ y học dự phòng, bao gồm 3 tín chỉ (2 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành). Học phần được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức về khoa học hành vi giúp học viên hiểu được bản chất của các hành vi sức khỏe cộng đồng để lựa chọn mô hình thay đổi hành vi phù hợp. Đồng thời người học cũng vận dụng được các mô hình, phương pháp, phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe để chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng. Học phần giúp học viên lập được kế hoạch truyền thông theo tình huống đưa ra. Các phương pháp dạy - học là thuyết trình, thảo luận nhóm, nêu vấn đề, thảo luận để thực hiện các bài tập tình huống. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận và viết chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn PLO2, 3, mức độ cao của chương trình đào tạo, và chuẩn đầu ra PLO4, 7, 10 mức độ trung bình.

7. Một sức khỏe

Học phần/module Một sức khỏe thuộc học phần tự chọn khối kiến thức chuyên ngành tự chọn của CTĐT Thạc sĩ y học dự phòng được dạy - học ở học kỳ 3 của CTĐT. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học các kỹ năng xác định vấn đề sức khỏe, bệnh lây truyền từ động vật sang người. Ngoài ra học viên còn được thực hành phân tích các ca bệnh và các hành vi liên quan đến bệnh lây truyền từ động vật sang người, các kỹ năng để giải quyết vấn đề sức khỏe. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, thảo luận nhóm để thực hiện bài tập tình huống và thực hành. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm bảng kiểm, viết báo cáo thu hoạch và chuyên đề. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO 2,4,7,10 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

8. Dinh dưỡng tiết chế

Học phần Dinh dưỡng tiết chế thuộc khối cơ sở ngành tự chọn, được dạy-học ở kỳ học II của chương trình đào tạo 2 năm liên tục. Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng, dinh dưỡng cho các đối tượng, quy trình chăm sóc dinh dưỡng, tương tác thuốc và thực phẩm, một số chế độ ăn cho người bệnh. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp kiến thức về vấn đề nguyên tắc đảm bảo dinh dưỡng trong chế biến một số thực phẩm, bữa ăn thông dụng và cách thức tổ chức, hoạt động của khoa dinh dưỡng tại bệnh viện. Song hành với lý thuyết, học phần thực hành này trang bị cho học viên có khả năng chỉ định chế độ ăn đúng đắn và xây dựng một chế độ ăn cân đối, hợp lý và đầy đủ chất dinh dưỡng và năng lượng phù hợp với các đối tượng cụ thể giúp phòng các rối loạn dinh dưỡng và hỗ trợ điều trị các bệnh thường gặp (một số bệnh nội khoa, ngoại khoa, nhi khoa cũng như một số kỹ thuật đánh giá và can thiệp dinh dưỡng trong bệnh viện, truyền thông giáo dục dinh dưỡng cho một số đối tượng. Đồng thời, học viên có thể hoàn thành được chuyên đề về dinh dưỡng tiết chế tại bệnh viện. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm lượng giá bằng kiểm tra viết tự luận và chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2 (mức độ cao), 6, 7, 8, 9, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

9. Vi sinh

Học phần vi sinh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này sẽ cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về dịch tễ học các bệnh nhiễm trùng truyền nhiễm, các cơ chế bảo vệ của cơ thể chống nhiễm trùng, cơ chế gây bệnh của vi sinh vật, vi sinh vật kháng thuốc, nhiễm trùng bệnh viện và vi sinh vật với các bệnh nhiễm trùng cơ quan hệ thống. Kiến thức học phần vi sinh sẽ là một trong những cơ sở nền tảng để học viên học các học phần chuyên ngành tiếp theo trong chương trình đào tạo. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 9, 10 ở mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

10. Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế

Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành học phần tự chọn thuộc năm thứ 2 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học các khái niệm cơ bản của kinh tế học và mối quan hệ giữa kinh tế học và cung cấp dịch vụ y tế, nguồn kinh phí trong y tế, cách tính toán và ý nghĩa của các loại chi phí trong việc cung cấp dịch vụ y tế. Đồng thời hướng dẫn các phương pháp đo lường gánh nặng bệnh tật, định hướng

phân tích chi phí – hiệu quả và ứng dụng của nó trong điều kiện nguồn lực luôn khan hiếm. Học phần này cũng giới thiệu cho sinh viên các nội dung cơ bản liên quan đến Bảo hiểm y tế, Luật Bảo hiểm y tế hiện hành và làm một số bài tập vận dụng quy định bảo hiểm y tế khi thực hành nghề nghiệp. Phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm. Phương pháp đánh giá gồm: Bài luận, chỉ tiêu thực hành, báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo như sau: PLO2 (mức độ trung bình) và PLO5 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

11. Sinh thái học

Học phần Sinh thái học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm về môi trường sinh thái như cấu trúc của hệ sinh thái, đặc điểm của hệ sinh thái, một số hệ sinh thái đặc thù, đa dạng sinh thái và mối quan hệ của 1 hoặc nhiều nhóm sinh vật với môi trường xung quanh.

Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, case-study, thảo luận nhóm, phân tích vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, vấn đáp, viết chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng PLO 2,4,5,6,7,8,9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

12. Dịch tễ học

Học phần Dịch tễ học thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy học ở học kỳ II của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chuyên ngành về dịch tễ học để người học vận dụng tham gia vào hoạt động phòng chống dịch bệnh tại địa phương. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm và thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, thực hành theo bảng kiểm và viết chuyên đề. Học phần Dịch tễ học đóng góp vào chuẩn đầu ra 10 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 4, 9 (mức độ trung bình) và chuẩn đầu ra 2, 5 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

13. Sức khỏe môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp

Học phần sức khỏe môi trường- Sức khỏe nghề nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm về các vấn đề sức khỏe và môi trường tự nhiên, xã hội và nghề nghiệp; đánh giá, xác định một số yếu tố nguy cơ trong môi trường sống, môi trường lao động và tác động của các yếu tố này đến sức khỏe của con người, nhận thức đầy đủ về vai trò của môi trường và Y học lao động trong thực tiễn công tác chăm sóc sức khỏe người dân và người lao động. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, case-study, thảo luận nhóm, phân tích vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, vấn đáp, bảng kiểm, thực hành trong Labo, thực hành cộng đồng, viết chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2,4,5,6,7,8,9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

14. Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm

Học phần Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm thuộc khối chuyên ngành bắt buộc cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm. Về phần Dinh dưỡng, sinh viên được trang bị những kiến thức đầy đủ về các chất dinh dưỡng và các loại thực phẩm. Người học cũng được cung cấp kiến thức về bệnh lý dinh dưỡng và có thể thực hiện việc tư vấn dinh dưỡng cho một số bệnh đối tượng cụ thể. Từ những kiến thức đã học, sinh viên có kỹ năng xây dựng chế độ ăn cân đối, hợp lý và đầy đủ chất dinh dưỡng và năng lượng phù hợp

với các đối tượng khác nhau. Nội dung an toàn vệ sinh thực phẩm cung cấp kiến thức để người học có được kỹ năng để đánh giá nguy cơ mất an toàn vệ sinh thực phẩm bếp ăn tập thể, nhà ăn công cộng và thức ăn đường phố. Bên cạnh đó người học được trang bị những kiến thức và vận dụng trong việc quản lý và kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm lượng giá bằng kiểm tra viết tự luận và chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 6, 7, 8 (mức độ cao), 9, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

15. Quản lý các chương trình dự án y tế

Học phần Quản lý chương trình dự án y tế thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy học ở học kỳ II của chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng về các vấn đề cơ bản trong quản lý chương trình dự án y tế; các kiến thức và kỹ năng về viết mục tiêu, xác định khung logic, phân tích vấn đề, cách đánh giá chương trình dự án y tế và viết đề cương dự án y tế. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình ngắn, thảo luận nhóm, tự học, làm bài tập tình huống, liên hệ thực tế công việc của học viên và viết chuyên đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra tự luận, bài tập cá nhân, chấm chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 10 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 2, 5, 9 (mức độ trung bình) và chuẩn đầu ra 4 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

16. Dân số kế hoạch hóa gia đình

Học phần Dân số kế hoạch hóa gia đình thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn cho đối tượng thạc sĩ y học dự phòng, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học phân tích cụ thể kết quả thực hiện dân số kế hoạch hóa gia đình để đề xuất giải pháp giải quyết phù hợp giúp cho công tác chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình ngắn, thảo luận nhóm, thực hành theo các bài tập tình huống và học tập tại cộng đồng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm viết tự luận, làm bài tập và viết chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 4 mức độ cao, PLO7, 10 mức độ trung bình của chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo.

17. An toàn vệ sinh lao động trong ngành y tế

Học phần An toàn vệ sinh lao động trong ngành y tế thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm về các vấn đề cơ bản của an toàn vệ sinh lao động trong ngành y tế, những yếu tố nguy cơ nghề nghiệp trong ngành y tế, những vấn đề về an toàn vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế dự phòng, khám chữa bệnh, đào tạo, nghiên cứu, trong sản xuất và cung ứng dược phẩm, kỹ năng sử dụng hóa chất khử khuẩn dụng cụ, xử lý một số sự cố thường gặp trong hoạt động nghề nghiệp vận dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hoá – xã hội đặc thù theo từng vùng miền trong bảo vệ sức khỏe của người dân liên quan đến an toàn vệ sinh lao động trong ngành y tế. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, case-study, thảo luận nhóm, phân tích vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, vấn đáp, viết chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2,4,5,6,7,8,9,10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

18. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em

Học phần Chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn của Ths YHDP, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học vận dụng được các kiến thức và kỹ năng về quản lý, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em để

thực hiện chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm và giải quyết tình huống. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm viết tự luận, làm bài tập và viết chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2,4 mức độ cao, PLO7, 10 mức độ trung bình của chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo.

19. Thực tập tốt nghiệp

Học phần Thực tập tốt nghiệp (NHTNS5618) thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc được dạy học ở học kỳ 4 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng thuộc chuyên ngành sức khỏe môi trường – sức khỏe nghề nghiệp, về dịch tễ học, các phương pháp, phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe, về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm để người học vận dụng tham gia vào công tác chăm sóc sức khỏe môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp, công tác chăm sóc các vấn đề sức khỏe về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm và các hoạt động phòng chống bệnh tật tại đơn vị y tế. Học phần này sẽ trang bị cho người học kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm về kỹ năng: đánh giá, xác định một số chỉ số nguy cơ sức khỏe trong môi trường sống, môi trường lao động để có những biện pháp bảo vệ sức khỏe con người nói chung và sức khỏe của người lao động nói riêng, nhận thức đầy đủ về vai trò của môi trường và Y học lao động trong thực tiễn công tác chăm sóc sức khỏe người dân và người lao động; lập được kế hoạch truyền thông và tổ chức các hoạt động và giám sát truyền thông tại cộng đồng; xác định vấn đề sức khỏe; lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên, lập kế hoạch; tổ chức thực hiện, giám sát đánh giá các chương trình, hoạt động y tế; đánh giá, xác định được một số chỉ số nguy cơ dinh dưỡng và an toàn thực phẩm ở cộng đồng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bảng kiểm, thực hành trong labo, thực hành cộng đồng, nghiên cứu tình huống thực tế tại địa phương, thu thập phân tích số liệu thực tế, lập kế hoạch, giám sát và đánh giá. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm chỉ tiêu thực hành, tự luận, thực hành theo bảng kiểm, viết báo cáo. Học phần này nhằm đáp ứng PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8 (mức độ cao), PLO9, PLO10 (mức độ trung bình).

20. Đề án tốt nghiệp: Học phần đề án tốt nghiệp (NHLV5818) thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc được dạy học ở học kỳ 4 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học vận dụng các kiến thức sâu rộng đã được học các kinh nghiệm bản thân, sự sáng tạo, kỹ năng về chuyên môn và nghiên cứu khoa học, viết đề án/ luận văn tốt nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là nêu vấn đề, hướng dẫn phân tích và thực hiện đề án/ luận văn tốt nghiệp. Các phương pháp đánh giá người học qua báo cáo bản đề cương, và báo cáo toàn văn đề án/ luận văn, các sản phẩm nghiên cứu khoa học. Học phần này nhằm đáp ứng PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8 (mức độ cao), PLO9, PLO10 (mức độ trung bình).

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Khoa Y tế công cộng được thành lập vào ngày 21 tháng 4 năm 2010 gồm có 05 bộ môn: Y xã hội học, Y học cộng đồng, Dịch tễ, Sức khỏe Môi Trường và bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp. Để đáp ứng nhu cầu đào tạo 2 Bộ môn: sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp được sáp nhập thành Bộ môn Sức khỏe Môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp theo quyết định Số: 828/QĐ-YD, ngày 02/08/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược. Hiện nay khoa Y tế công cộng gồm có 05 bộ môn: Y xã hội học, Y học cộng đồng, Dịch tễ học, Sức khỏe Môi Trường - Sức khỏe nghề nghiệp, Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Khoa Y tế công cộng có nhiệm vụ:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức triển khai các hoạt động giảng dạy, lượng giá cho các đối tượng sinh viên, học viên khi học tập các môn thuộc khoa.

- Triển khai thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, lượng giá sinh viên phù hợp với thực tiễn.

- Đề xuất và thực hiện các đề tài khoa học các cấp, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học. Đề xuất và tổ chức thực hiện chuyển giao ứng dụng khoa học và kỹ thuật về lĩnh vực của khoa, tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các hoạt động chuyên ngành (hội nghị khoa học chuyên ngành, báo cáo khoa học tại các hội nghị chuyên ngành).

- Quản lý giảng viên, cán bộ, nhân viên và người thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng.

- Quản lý chất lượng, nội dung, phương pháp đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình môn học do Hiệu trưởng giao. Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy; học tập; đề xuất xây dựng kế hoạch bổ sung, bố trí thiết bị dạy – học, thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và cán bộ nhân viên thuộc khoa.

Khoa YTCC hiện nay có 01 giáo sư, 04 phó giáo sư, 8 tiến sĩ, 01 Bác sĩ chuyên khoa cấp 2, 12 thạc sĩ, 02 Bác sĩ, 03 kỹ thuật viên có trình độ trung học, 01 chuyên viên, 01 y công.

Trong những năm qua, tập thể các thể hệ cán bộ giảng viên của khoa Y tế công cộng đã góp phần rất lớn trong đào tạo nhân lực cho ngành y tế các tỉnh trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh miền núi phía Bắc.

XIV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật
1	Viết mục tiêu, chuẩn đầu ra, đánh lại mã học phần, sửa lại khung CTĐT	27/04/2022

XV. Ngày phê duyệt lần đầu: 15/5/2019

XVI. Thành phần phê duyệt

Tổ rà soát
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Tuấn Vũ

HD thẩm định
khoa/bộ môn
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Tố Uyên

Phòng Đào tạo
(Ký, ghi rõ họ tên)



Vũ Thị Hồng Anh

Chủ tịch Hội đồng
KH&ĐT Trường
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tiến Dũng

